

# Thúc đẩy ngành tài chính ngân hàng Việt Nam hội nhập kinh tế khu vực: bài học từ Thái Lan

Phan Thị Hoàng Yến

Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

**Tóm tắt:** Bên cạnh những cơ hội, thách thức đặt ra cũng không hề đơn giản cho các lĩnh vực hoạt động tại Việt Nam, trong đó có những thách thức cho ngành tài chính- ngân hàng. Bài viết nêu ra những hạn chế của lĩnh vực này làm chậm quá trình hội nhập khu vực và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế đối với ngành tài chính- ngân hàng Việt Nam một cách bền vững dựa trên kinh nghiệm của Thái Lan.

**Từ khóa:** AEC, Việt Nam hội nhập tài chính, ASEAN hội nhập tài chính.

## 1. Tiến trình hội nhập tài chính- ngân hàng trong ASEAN

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN đã thiết lập cộng đồng kinh tế ASEAN gọi tắt là AEC vào ngày 31/12/2015. Đây là cột mốc đánh giá mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng trong cộng đồng các quốc gia ASEAN, chuyển từ khu vực thương mại tự do sang một thị trường thống nhất, tại đó, hàng hóa, dịch vụ, vốn và nhân lực có thể di chuyển tự do trong khu vực. Cộng đồng kinh tế ASEAN là kết quả của những nỗ lực đáng kể trong suốt một thập kỷ hội nhập khu vực trong đó có lĩnh vực tài chính- ngân hàng. Mặc dù vẫn chưa hoàn thiện, hội nhập tài chính- ngân hàng trong khu vực đóng một vai trò quan trọng cho việc thúc đẩy phát triển lĩnh vực tài chính, tạo điều kiện tiếp cận tốt hơn đến lĩnh vực bảo hiểm, thị trường vốn và ngân hàng.

Hội nhập tài chính trong ASEAN được đẩy mạnh kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, kể từ đó đến nay, các quốc gia ASEAN đã củng cố nhau trải qua nhiều mốc sự kiện quan trọng trong tiến trình hội nhập tài chính khu vực.

## 2. Thực tiễn hội nhập khu vực trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng của Việt Nam

Quá trình hội nhập tài chính- ngân hàng khu vực của Việt Nam được thể hiện qua hai tiến trình chính: i) Tự do hóa thị trường trong nước; ii) Tích cực chủ động tham gia các tổ chức và cam kết tài chính trong khu vực.

(i) Về tự do hóa thị trường trong nước: Trước năm 1986, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Năm 1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 53/HĐBT về: "Cải tổ hệ thống ngân hàng từ một ngân hàng duy nhất trong nền kinh tế kế hoạch thành định chế ngân hàng hai cấp theo hướng kinh tế thị trường". Năm 1990, với việc ban hành hai Pháp lệnh về ngân hàng: Pháp lệnh Ngân

hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính, hệ thống ngân hàng hai cấp chính thức đi vào hoạt động, với Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam là ngân hàng cấp 1, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động tài chính ngân hàng và các ngân hàng cấp 2 bao gồm các ngân hàng thương mại (NHTM) và các tổ chức tín dụng phi tài chính khác thực hiện chức năng kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng và thanh toán.

Năm 1991, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, khuyến khích và thu hút đầu tư nước ngoài, NHNN đã cho phép các chủ thể nước ngoài được thành lập các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc liên doanh với các ngân hàng Việt Nam. Năm 1993, các ngân hàng nước ngoài được phép mua cổ phần của các ngân hàng thương mại Việt Nam với số vốn cổ phần không quá 10%. Đến năm 2007, nhằm thay đổi cho phù hợp với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, cũng như bảo đảm thực hiện cam kết khi gia nhập các tổ chức tài chính thế giới, các tổ chức tín dụng nước ngoài đã được nâng mức cổ phần của mình lên 15% (tổng vốn cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không quá 30%). Và hiện nay, nằm trong lộ trình gia nhập TPP và AEC, các quy định về mức độ sở hữu vốn của các nhà đầu tư nước ngoài trong các NHTM và các công ty chứng khoán đã được nới lỏng hơn nữa. Điều này được thể hiện rõ nét ở Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty chứng khoán sẽ được nới hết có là 100% thay vì 49% như trước đó, còn đối với các ngân hàng con số đó vẫn là 30% và có xu hướng tăng trong tương lai.

Bên cạnh đó, quy định về việc thành lập các ngân

hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cũng đã được mở rộng hơn trước nhưng với lộ trình thận trọng. Cụ thể, để thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài thì ngân hàng nước ngoài phải có tổng Tài sản tối thiểu tương đương 10 tỷ USD vào cuối năm tài chính trước năm xin cấp giấy phép. Điều kiện về năng lực tài chính của ngân hàng mẹ nước ngoài cho việc mở một chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam còn bị đòi hỏi cao hơn gấp đôi, tức là ngân hàng mẹ phải có tổng Tài sản tối thiểu tương đương 20 tỷ USD vào năm tài chính trước năm xin cấp giấy phép. Đến thời điểm hiện tại, theo số liệu của NHNN, Việt Nam có 65 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gấp đôi con số năm 2008, trong đó có 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 8 ngân hàng 100% vốn nước ngoài và 6 ngân hàng liên doanh. Trong đó, Malaysia đang có ngân hàng 100% vốn nước ngoài là Hong leong Việt Nam và chuẩn bị thành lập thêm một ngân hàng 100% vốn nước ngoài nữa là Public Bank Berhad, Thái Lan cũng có ngân hàng Liên doanh Việt - Thái. Sau khi AEC được thành lập, các ngân hàng như Kasikorn của Thái Lan, Ngân hàng phát triển của Singapore, Maybank của Malaysia... cũng đã thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.



(Nguồn: Website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Về tham gia các tổ chức và cam kết trong khu vực: Năm 1992 đánh dấu điểm khởi đầu trong quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam thông qua việc tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC) và trở thành Quan sát viên tham dự các Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM) hàng năm. Năm 1994, Việt Nam tham dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn Khu vực ASEAN và trở thành một trong những thành viên sáng lập của Diễn đàn. Năm 1995 là mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình hội nhập của Việt Nam, khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 tại Bru-nây. Sau khi trở thành thành viên chính thức ASEAN vào năm 1995, Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng chương trình hợp tác tài chính trong Kế hoạch hành động ASEAN—Hà Nội năm 1995, xây dựng Lộ trình hội nhập về tài chính — tiền tệ ASEAN và đã được thông qua năm 2003.

Năm 1999, Việt Nam tham gia Cơ chế giám sát ASEAN (ASP). Đây là cơ chế rà soát và trao đổi quan điểm giữa các quan chức cao cấp (ngân hàng trung ương) và Bộ trưởng Tài chính về các vấn đề chính sách và phát triển kinh tế khu vực. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tích cực tham gia và tăng cường vai trò trong các hiệp định và cam kết trong tiến trình hội nhập tài chính khu vực của ASEAN. Trong nỗ lực gắn kết với nền tài chính- ngân hàng khu vực, tính đến tháng 12/2016 Việt Nam đã tiến hành tham gia đàm phán và ký kết 7 gói cam kết về dịch vụ tài chính, tuy nhiên, các cam kết mở cửa dịch vụ tài chính trong các Gói cam kết tài chính vẫn còn tương đối thận trọng, thường thấp hơn hoặc ngang bằng các cam kết trong WTO. Một điểm đáng lưu ý trong gói cam kết dịch vụ tài chính thứ 6 đó là ASEAN cho phép hai hoặc nhiều nước thành viên ASEAN có thể tiến hành đàm phán riêng và mở cửa hơn cho nhau trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng nhằm thúc đẩy hội nhập ngành tài chính- ngân hàng trong khu vực.

Nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành tài chính- ngân hàng nói riêng đã và đang tham gia chủ động và hiệu quả hơn vào hệ thống tài chính khu vực, song nhìn một cách tổng thể, thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam vẫn tồn tại một số điểm hạn chế làm giảm hiệu quả hội nhập tài chính quốc tế khu vực:

Thứ nhất, quy mô thị trường tài chính còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng. Trên thực tế, tỷ trọng huy động vốn qua hệ thống ngân hàng còn thấp, nhỏ hơn nhiều so với tỷ trọng này của một số nước ASEAN. Quy mô của thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung của Việt Nam so với các quốc gia ASEAN đang nằm ở mức trung bình, sau Singapore, Malaysia và Thái Lan. Thị trường tài chính Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống ngân hàng, trong khi thị trường chứng khoán của Việt Nam còn chưa hoàn thiện và còn khá khiêm tốn, cụ thể quy mô tín dụng năm 2015 là 128.35% GDP trong khi quy mô thị trường chứng khoán vào khoảng 49% GDP. Cấu trúc này bị đảo ngược tại các quốc gia có thị trường tài chính phát triển như Singapore và Malaysia. Điều này khiến thị trường tài chính — ngân hàng Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh và hội nhập khu vực, quốc tế.

Theo đánh giá của Brand Finance, năm 2016, ASEAN có 31 ngân hàng góp mặt trong top 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất trên thế giới, trong đó Việt Nam có 3 đại diện đó là Vietin Bank, BIDV và Vietcombank tuy nhiên thứ hạng còn hạn chế, trong khi con số này tại Singapore là 3 ngân hàng nhưng thứ hạng nằm trong top 100, tại Malaysia là 7 ngân hàng, tại Indonesia là 6 ngân hàng, tại Thái Lan là 8 ngân hàng và Philippines đóng góp 4 ngân hàng.

Thứ hai, các yếu tố cơ bản cấu thành thị trường còn chưa hoàn thiện. Mặc dù thị trường tài chính Việt Nam cơ bản đã hình thành và phát triển, song trên thị

trường vẫn còn thiếu vắng một số định chế tài chính quan trọng như các ngân hàng đầu tư, công ty môi giới, các quỹ hưu trí, quỹ đầu tư tương hỗ, quỹ đầu tư mạo hiểm. Nhiều công cụ tài chính hiện đại như các giao dịch quyền chọn, giao dịch tương lai, mua bán chứng quyền còn chưa được sử dụng hoặc đã được đưa vào sử dụng nhưng chưa phát triển.

Thứ ba, thanh khoản của hệ thống tài chính- ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro, đặc biệt là vấn đề nợ xấu. Mặc dù công cuộc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, nợ xấu cơ bản đã được kiểm chế, các ngân hàng hoạt động yếu kém đã được sáp nhập vào các ngân hàng mạnh hoặc được NHNN giành quyền kiểm soát thông qua mua lại với giá trị 0 đồng. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chưa thực sự thoát khỏi những khó khăn do hậu quả của khủng hoảng kinh tế thế giới để lại, cộng với khả năng quản trị rủi ro của các NHTM VN còn hạn chế so với các NHTM nước ngoài, vì vậy nguy cơ bùng phát nợ xấu trong hệ thống ngân hàng vẫn luôn hiện hữu, làm gia tăng nguy cơ rủi ro thanh khoản cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Thứ tư, cơ sở pháp lý chưa đầy đủ và đồng bộ. Một vấn đề mấu chốt mang tính quyết định trong hội nhập quốc tế, đó là không chỉ đưa ra các sản phẩm mới, tăng sức cạnh tranh mà còn phải tuân thủ luật chơi của quốc tế. Trong những năm qua, mặc dù Chính phủ và các Bộ, Ngành đã quan tâm triển khai nghiên cứu, xây dựng, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường tài chính nhưng hệ thống văn bản pháp luật vẫn còn thể hiện rõ nét tính chất tình thế, ngắn hạn, không đồng bộ, gây khó khăn, phức tạp cho các chủ thể khi tham gia thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam.

Thứ năm, công nghệ trên thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam còn lạc hậu so với thế giới. Trình độ công nghệ thông tin trên thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam vẫn chưa đạt mức độ tiên tiến, còn cách xa và có nguy cơ tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho thị trường tài chính- ngân hàng cũng còn yếu về chất lượng và thiếu về số lượng.

### 3. Kinh nghiệm hội nhập tài chính- ngân hàng khu vực ASEAN của Thái Lan - Bài học cho Việt Nam

Thái Lan bắt đầu tiến trình hội nhập quốc tế về tài chính ngân hàng từ những năm 1990 với dấu mốc đầu tiên là khi Chính phủ Thái Lan chấp thuận các điều khoản trong thỏa thuận với IMF mà then chốt nhất là nới lỏng các quy định liên quan đến giao dịch cán cân vãng lai, tự do hóa lãi suất. Năm 1993, Cơ quan hỗ trợ hoạt động ngân hàng quốc tế Bangkok (BIBF)- tổ chức huy động vốn nước ngoài đã ra đời trong nỗ lực của Chính phủ Thái Lan nhằm biến Bangkok trở thành trung tâm tài chính lớn trong khu vực. Tuy nhiên, việc mở rộng tài khoản vốn, tiếp nhận vốn đầu tư mà không cần bất cứ một biện pháp kiểm soát nào trong

khí vẫn luôn duy trì chính sách cố định đồng nội tệ theo đó là Mỹ đã gây áp lực cho dự trữ ngoại hối của Thái Lan, châm ngòi cho cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Thất bại này được lý giải là do Thái Lan đã tự do hóa thị trường tài chính và tài khoản vốn quá nóng vội mà thiếu đi một hệ thống tài chính- ngân hàng và khung pháp lý đủ mạnh.

Bước ra từ cuộc khủng hoảng Châu Á 1997, chiến lược hội nhập trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng của Thái Lan đã có những bước tiến chắc chắn hơn thông qua hàng loạt các chương trình: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giám sát hoạt động giữa các ngân hàng, các yêu cầu mang tính pháp lý về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo tiêu chuẩn Basel; tái cơ cấu hệ thống tài chính; củng cố quy tắc công bố thông tin, hoạt động kiểm toán và kế toán; thả nổi lãi suất và thả nổi việc quản lý các giao dịch ngoại hối và mở rộng phạm vi kinh doanh của các NHTM.

#### Tự do hóa thị trường vốn:

Thái Lan cùng với Malaysia và Singapore đã thống nhất thiết lập kết nối thương mại ASEAN (ASEAN Trading Link) tạo ra một cổng tiếp cận chung duy nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán tại 3 nước này, sở giao dịch chứng khoán Philippines cũng sẽ tham gia kết nối này trong tương lai gần. Kết nối thương mại ASEAN cho phép các nhà đầu tư ở một trong 3 nước trên có thể mua cổ phiếu ở 2 thị trường còn lại thông qua các công ty môi giới chứng khoán tại địa phương. Điều này không những tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư và hoạt động thương mại dễ dàng hơn, mà còn giảm thủ tục cho các tổ chức phát hành chứng khoán tại cả ba thị trường này. Có thể thấy thị trường vốn của Thái Lan đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN, sau Singapore và Malaysia tuy nhiên với mức độ chênh lệch khá đáng kể. Với sự liên kết ngày càng chặt chẽ trên thị trường vốn, Thái Lan kỳ vọng sẽ mở rộng thị trường vốn.

#### Tự do hóa hệ thống Ngân hàng:

Rào cản gia nhập thị trường tài chính của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thái Lan được nới lỏng hơn so với trước đây kể từ sau khủng hoảng tiền tệ châu Á 1997, nhằm thúc đẩy cho quá trình tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng của Thái Lan. Về cơ bản, các ngân hàng nước ngoài được phép tham gia kinh doanh tất cả các hoạt động như các ngân hàng trong nước nhưng không được phép mở thêm chi nhánh. Thái Lan cũng cho phép người nước ngoài được quyền sở hữu 100% cổ phiếu của ngân hàng Thái Lan. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ngân hàng trong nước chuẩn bị cạnh tranh và hội nhập, Thái Lan cũng sử dụng một số biện pháp nhất định về yêu cầu dự trữ, vốn tự có, số nhân viên để hạn chế sự xâm nhập quá nhanh vào hệ thống ngân hàng trong nước của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Để gia tăng sức cạnh tranh trong môi trường hội

nhập, các NHTM Thái Lan đã thực thi chiến lược hai chiều nhằm khuếch trương quy mô trong khu vực song hành cùng với việc củng cố vị thế tại nước nhà. Các NHTM Thái Lan nhận thức được rằng rất khó để cạnh tranh với các nền tài chính lớn mạnh như Singapore hay Malaysia, nên họ tập trung mở rộng quy mô ra khu vực các quốc gia tiểu vùng sông Mekong mở rộng như Campuchia, Lào, Việt Nam và đặc biệt là Myanmar, hầu hết các ngân hàng lớn của Thái Lan đều có chi nhánh tại Myanmar. Cùng với việc thâm nhập thị trường nước ngoài, củng cố hơn nữa vị thế tại nước nhà cũng là một chủ trương nằm trong chiến lược hội nhập tài chính- ngân hàng của các NHTM Thái Lan để tránh bị nuốt chửng bởi các đối thủ cạnh tranh lớn trong khu vực như Singapore hay Malaysia. Để giải quyết vấn đề này, họ đã không ngừng khuyến khích và thúc đẩy công cuộc sáp nhập và hợp nhất giữa các ngân hàng nội địa nhằm tăng cường quy mô, sức cạnh tranh và quan trọng hơn là ngăn chặn những cuộc sáp nhập với ngân hàng nước ngoài.

Như vậy, để thúc đẩy thành công quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng, cần chú ý vào bối cảnh tài chính- kinh tế của nước ta và kinh nghiệm của Thái Lan, một số giải pháp có thể tham khảo như sau:

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho sự phát triển thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế nhằm bảo đảm tính thống nhất của thị trường, làm lành mạnh hóa các mối quan hệ tài chính- ngân hàng và bảo đảm sự hoạt động an toàn và hiệu quả cho thị trường.

Hai là, xây dựng hệ thống cảnh báo và đánh giá rủi ro để kịp thời đối phó với các biến động từ thị trường trong nước và quốc tế, giúp xử lý kịp thời các tình huống có thể phát sinh, hạn chế rủi ro và ngăn ngừa khủng hoảng tài chính - tiền tệ để phát triển thị trường tài chính- ngân hàng an toàn.

Ba là, tăng cường tham gia đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận thương mại, kinh tế, tài chính tự do khu vực và song phương. Kiên định theo đuổi các chiến lược và kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và năng lực giám sát ngân hàng nhằm góp phần phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, từ đó có những biện pháp ngăn chặn kịp thời. Đồng thời, xây dựng văn hóa quản trị rủi ro, tạo môi trường thuận lợi cho việc áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị rủi ro.

Năm là, gia tăng sức cạnh tranh cho các NHTM trong nước và lành mạnh hóa hệ thống tài chính- ngân hàng thông qua các biện pháp thúc đẩy quá trình sáp nhập, hợp nhất giữa các NHTM trong nước, kiên quyết xử lý những ngân hàng yếu, kém không có triển vọng phục hồi, đồng thời, cho phép các tổ chức tài chính nước ngoài tham gia vào thị trường trong nước với lộ trình phù hợp. Bên cạnh đó, khuyến khích các ngân

hàng lớn mở rộng quy mô vươn ra thị trường tài chính trong khu vực và thế giới là một xu thế tất yếu nhằm tận dụng các lợi ích từ hội nhập kinh tế quốc tế.

Sáu là, quy định cơ chế cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời với hệ thống dữ liệu đầy đủ, cập nhật. Quy định này không chỉ phục vụ cho công tác phân tích, dự báo mà còn phục vụ cho việc điều chỉnh cơ chế chính sách sát với yêu cầu thực tiễn.

Bảy là, tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với công nghệ hợp lý để bắt kịp được sự phát triển công nghệ của các nước khác trong khu vực và quốc tế. Cần chú trọng đầu tư đào tạo một đội ngũ nhân lực chất lượng cả về chuyên môn lẫn kỹ năng, đáp ứng đòi hỏi cao trong môi trường hội nhập như ngày nay bởi lĩnh vực tài chính- ngân hàng luôn đòi hỏi sự nhạy bén, sáng tạo và khả năng phân tích đánh giá thị trường./.

## Tài liệu tham khảo

"Hội Nhập Tài Chính Trong ASEAN". Aecvcci.vn. N.p., 2017. Web. 20 Apr. 2017

Yamanaka, T. (2014). Intergration of the ASEAN Banking Sector. Journal, [online] volume (1)

Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 23, tháng 12 năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Vinh, L. (2007). Các giải pháp kiểm soát an ninh tài chính trong tiến trình tự do hóa tài chính của Việt Nam hiện nay. MSC. Ho Chi Minh Economic University.

Park, Y., Bae, K. (2002) Financial Liberalization and Economic Integration in East Asia. In: Issues and Prospects for Regional Cooperation for Financial Stability and Development. [online] Honolulu: PFFC, session 1.

Mahamam, V. (2010). Financial liberalization in Thailand: Impact on the Growth and Volatility of foreign investment in stock market and the stock market. MSC. Lund University

Brand Finance, (2016). The annual report on the world's most valuable banking brands. [online]. USA: Brand Finance

Báo cáo Tổng thuật Hội thảo Khoa học: Phát triển kinh tế-xã hội và ngành Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế (2015).

Các văn kiện gia nhập WTO của Việt Nam (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ), Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, NXB Chính trị quốc gia.

Bài tham luận tại Hội nghị Công tác đối ngoại ngành tài chính của Thứ trưởng Bộ công thương Trần Quốc Khánh.